

XXIII-TU TẬP VỊ

- *Thứ tư, Tu tập vị, tướng nó như thế nào?*

Tụng nói:

*Không đắc, chẳng nghĩ nghĩ,
Là trí xuất thế gian.*

*Do bỏ hai thô trọng
Bèn chứng đắc chuyển y,*

Luận rằng: Bồ-tát từ sau khi khởi lên kiến đạo trước kia rồi, còn muốn đoạn trừ hai chướng câu sanh, chứng đắc chuyển y, nên lại thường thường tu tập trí không phân biệt. Trí này xa lìa sở thủ, năng thủ cho nên nói là vô đắc và chẳng nghĩ nghĩ. Hoặc xa lìa hý luận, nói là vô đắc, diệu dụng khó lường, gọi là chẳng nghĩ nghĩ. Đó là trí xuất thế gian vô phân biệt. Đoạn trừ thế gian gọi là xuất thế gian. Tùy miên của hai thủ là gốc thế gian, chỉ có trí vô phân biệt này mới đoạn được, nên riêng gọi là xuất, hoặc gọi là xuất thế, là nương nơi hai nghĩa để lập, đó là thể vô lậu và chứng chơn như. Trí vô phân biệt này có đủ hai nghĩa ấy cho nên riêng được gọi là xuất thế. Còn các trí khác thì không thể thế. Trí này tức trí vô phân biệt trong mười địa, thường tu tập nó thì xả bỏ được hai thô trọng. Chứng tử hai chướng gọi là thô trọng, vì tánh nó thô tục nặng nề, không có khả năng kham nhậm, trái với trí vô lậu vi tế khinh lợi, làm cho hai chủng tử hai chướng đó vĩnh viễn dứt trừ, nên gọi là bỏ (xả).

Trí vô phân biệt này bỏ được hai chướng thô trọng kia, bèn chứng đắc hai chuyển y rộng lớn.

Y là chỗ nương, tức thức thứ tám Y tha khởi, làm chỗ nương cho pháp nhiệm, pháp tịnh gọi là y. Pháp nhiệm là Biến kế sở chấp hư vọng. Pháp tịnh là Viên thành thật tánh chân thật.

Chuyển tức là hai phần nhiệm tịnh nương nơi thức thứ tám Y tha khởi, chuyển bỏ phần nhiệm, chuyển được phần tịnh. Do thường tu tập trí vô phân biệt, dứt hai chướng thô trọng trong bản thức, cho nên chuyển bỏ phần Biến kế sở chấp (nhiệm) trên thức thứ tám Y tha khởi, và chuyển được phần Viên thành thật tánh (tịnh) trong thức thứ tám Y tha khởi. Do chuyển phiền não chướng được đại Niết-bàn, chuyển sở tri chướng đắc Vô thượng giác.

- Thành lập lý Duy thức là chủ ý làm cho chúng hữu tình chứng được hai quả chuyển y như thế.

Hoặc “y” tức là tánh Duy thức chơn như (thực tánh) nó làm chỗ nương cho sanh tử và Niết-bàn. Hàng ngu phu điên đảo mê chơn như ấy, cho nên từ vô thủy lại chịu khổ sanh tử, còn bậc Thánh giả xa lìa điên đảo, ngộ chơn như ấy, nên chứng được Niết-bàn cứu cánh an vui. Do thường tu tập trí vô phân biệt, dứt hai chướng thô trọng trong bản thức,

cho nên chuyển diệt phần sanh tử nường nơi chơn như và chuyển đắc phần Niết-bàn nường nơi chân như. Đây chính là chơn như xa lìa tánh tạp nhiễm. Chơn như tuy tánh thanh tịnh mà tướng tạp nhiễm, cho nên khi xa lìa tạp nhiễm giả mới thanh tịnh. Tức cái mới thanh tịnh đó, nói là “chuyển y”.

Trong Tu tập vị, do đoạn chương mà chứng đắc chuyển y, và tuy ở mười địa vị tu tập này cũng chứng đắc Bồ-đề, nhưng không phải là điều mà ý trong bài Tụng muốn nói. Ý bài Tụng chỉ muốn nói rõ chuyển tánh Duy thức, (vì Duy thức tánh tức Niết-bàn) ở địa vị viên mãn của Nhị thừa, thì gọi là thân giải thoát, còn ở đức Đại Mâu ni (Phật) thì gọi là Pháp thân.

- Như thế nào để chứng được hai thứ chuyển y?

- Đó là ở trong mười Địa, tu mười Thắng hạnh (mười Ba-la-mật) dứt mười trọng chướng, chứng mười chơn như. Nhờ đó chứng đắc hai thứ chuyển y.

Mười địa là:

1. Cực hỷ địa: Ban đầu có được tánh của bậc Thánh, chứng đủ hai không, làm lợi ích mình người, sanh tâm vui mừng lớn.

2. Ly cấu địa: Đây đủ giới thanh tịnh, xa lìa các cấu như phiền não thường làm khởi sanh sự phạm giới vi tế.

3. Phát quang địa: Thành tựu thắng định, tổng trì đại pháp, phát sinh vô biên ánh sáng diệu tuệ.

4. Diệm tuệ địa: An trụ pháp Bồ-đề phần tối thắng, đốt cháy củi phiền não, lửa tuệ tăng lên.

5. Cực nan thắng địa: Hai trí chơn và tục, hành tướng trái nhau, mà hợp nó lại làm cho tương ứng nhau là rất khó.

6. Hiện tiền địa: Trụ vào trí biết về duyên khởi, dẫn dắt trí Bát-nhã tối thắng vô phân biệt, làm cho nó được hiện tiền.

7. Viển hành địa: Đến gần mé cuối cùng của công dụng vô tướng trí, vượt khỏi xa đạo của thế gian và Nhị thừa.

8. Bất động địa: Trí vô phân biệt, nhậm vận tương tục, tương dụng phiền não không làm lay động được.

9. Thiện tuệ địa: Thành tựu bốn vô ngại giải vi diệu, biến khắp mười phương, khéo nói diệu pháp.

10. Pháp vân địa: Mây trí đại pháp, chứa nước công đức, che lấp tất cả, như hư không che lấp hai tướng thô trọng, làm sung mãn pháp thân.

Mười địa như vậy, tổng nhiếp tất cả công đức hữu vi, vô vi, lấy đó làm tự tánh, làm chỗ nường tựa, gìn giữ thù thắng cho sự tu hành được sanh trưởng, cho nên gọi là địa.

Mười thắng hạnh là:

1. Thắng hạnh bố thí có ba, là thí của, thí không sợ, thí pháp.
2. Thắng hạnh trì giới có ba, là giới nhiếp luật nghi, giới nhiếp thiện pháp, giới nhiều ích hữu tình.
3. Thắng hạnh nhẫn nhục, có ba, là nhẫn nại về sự oán hại, nhẫn nại về sự an nhiên chịu khổ, nhẫn nại về sự quán sát pháp.
4. Thắng hạnh tinh tấn có ba, là tinh tấn mặc áo giáp, tinh tấn thu nhiếp điều thiện, tinh tấn về việc lợi lạc hữu tình.
5. Thắng hạnh tịnh lự có ba, là tịnh lự an trú, tịnh lự dẫn phát, tịnh lự biện sự.
6. Thắng hạnh Bát-nhã có ba, là tuệ không phân biệt về sanh không, tuệ không phân biệt về pháp không, tuệ không phân biệt về cả hai không.
7. Thắng hạnh phương tiện thiện xảo có hai, là phương tiện thiện xảo hồi hướng, phương tiện thiện xảo cứu độ.
8. Thắng hạnh nguyện có hai, là nguyện cầu Bồ-đề, nguyện lợi lạc chúng sanh.
9. Thắng hạnh lực có hai, là lực tư trạch, lực tu tập.
10. Thắng hạnh trí có hai, là trí thọ dụng pháp lạc, trí thành thực hữu tình.

- Tánh của mười Thắng hạnh này là, bố thí lấy không tham và ba nghiệp từ không tham khởi lên, làm tánh. Trì giới lấy ba nghiệp trong khi thọ học giới Bồ-tát làm tánh. Nhẫn nhục lấy không sân, tinh tấn, tuệ thẩm sát và hai nghiệp từ nó khởi lên làm tánh. Tinh tấn lấy siêng năng và ba nghiệp từ nó khởi lên làm tánh. Tịnh lự chỉ lấy đẳng trì làm tánh. Năm thắng hạnh sau đều lấy trí tuệ trạch pháp làm tánh, đó tức trí Căn bản và Hậu đắc. Có người cho rằng Thắng hạnh nguyện thứ tám lấy dục, thắng giải và tín làm tánh.

Đây nói tự tánh mỗi Thắng hạnh như vậy, nếu gồm luôn cả quyền thuộc của nó thì mỗi Thắng hạnh đều lấy hết thủy công đức cùng thực hành làm tánh.

- Tướng của mười Thắng hạnh này là phải dựa bảy điều tối thắng nhiếp thọ mới có thể lập làm Ba-la-mật đa.

1. An trú tối thắng: Tức phải an trú chủng tánh Bồ-tát.
2. Y chỉ tối thắng: Tức phải y chỉ tâm đại Bồ-đề.
3. Ý lạc tối thắng: Tức phải thương xót hết thủy hữu tình.
4. Sự nghiệp tối thắng: Tức phải hành đủ tất cả việc thù thắng.
5. Xảo tiện tối thắng: Tức phải được trí vô tướng nhiếp thọ.

6. Hồi hương tối thắng: Tức phải hồi hương vô thượng Bồ-đề.

7. Thanh tịnh tối thắng: Tức phải không bị hai chướng xen tạp.

Nếu không được bảy điều này nhiếp thọ thì việc bố thí v.v... không đến bờ kia. Do đó mười Thắng hạnh bố thí v.v... đối với Ba-la-mật-đa mỗi mỗi đều nên phân biệt làm bốn câu (thí chẳng phải Ba-la-mật, Ba-la-mật chẳng phải thí v.v...).

Đây chỉ nói mười Thắng hạnh không thêm không bớt, vì trong mười Địa đối trị mười Chướng, chứng mười Chơn như không thêm không bớt.

- Lại nữa sáu Thắng hạnh đầu không thêm không bớt, vì đối trị với sáu thứ chướng tặc trái ngược với nó. Như bố thí đối trị tặc xan tham v.v... dần dần tu hành Phật pháp, dần dần thành thực hữu tình. Điều này như trong các bộ luận đã nói rộng, nên biết.

- Lại bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thì chiêu cảm trong đạo thọ sanh được tốt đẹp, có tài của nhiều, có thân thể và quyến thuộc lớn. Tinh tấn, Thiền định, trí tuệ làm cho trong đạo thắng hạnh quyết định (tinh tấn) khắc phục phiền não, (định thông) thành thực hữu tình (tuệ) thành tựu Phật pháp. Các Bồ-tát đạo chỉ gồm trong hai đạo này, thiếu một tất không thành.

- Lại ba Thắng hạnh đầu thì làm lợi ích hữu tình. Bố thí thì đem tài vật cho họ, trì giới thì không làm não hại họ, nhẫn thì nhẫn chịu họ làm não hại mình, chỉ vì để lợi ích cho họ. Còn ba Thắng tinh tấn v.v... là để đối trị phiền não, tuy chưa dẹp trừ được chúng, nhưng tinh tấn tu tập các thiện gia hạnh đối trị chúng, Thiền thì vĩnh viễn khắc phục phiền não, tuệ thì vĩnh viễn diệt trừ hết phiền não.

- Lại do bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nên không trụ Niết-bàn, do tinh tấn, Thiền định, trí tuệ, nên không trụ sanh tử, làm tư lương cho Niết-bàn vô trú xứ. Do đó mà sáu Thắng hạnh đầu số không thêm nhiều hơn, không bớt ít lại. Còn bốn Thắng hạnh sau là để giúp sáu Thắng đầu, làm cho sự tu hành được đầy đủ, nên không thêm, không bớt. Như “phương tiện thiện xảo” thì giúp cho bố thí, trì giới, nhẫn nhục, “nguyện” thì giúp cho tinh tấn, “lực” thì giúp cho tịnh lực, “trí” thì giúp cho Bát-nhã, khiến sự tu hành được đầy đủ. Như trong kinh Giải Thâm Mật nói rộng, nên biết.

Thứ tự mười Thắng hạnh là do các Thắng hạnh trước trước dẫn phát các Thắng hạnh sau sau, do các Thắng hạnh sau sau giữ gìn sự thanh tịnh của các Thắng hạnh trước trước. Lại các Thắng hạnh trước thì thô, các Thắng hạnh sau thì tế, dễ tu khó tu, thứ tự như thế. Còn giải

thích tên chung, tên riêng của mười Thắng hạnh, thì như các chỗ khác nói:

- Có năm cách mười Thắng hạnh này:

1. Nương ở sự nhậm ý giữ gìn mà tu.
2. Nương ở sự dụng ý mà tu.
3. Nương ở vui thích mà tu.
4. Nương ở phương tiện mà tu.
5. Nương ở tự tại mà tu.

Nương năm cách tu này mà tu tập mười Ba-la-mật được viên mãn. Tướng nó như trong Tập luận v.v... đã nói rộng.

- Mười Ba-la-mật-đa này thu nhiếp nhau là, nếu luận về nhiếp chung thì mỗi một trong mười Ba-la-mật-đa đều thu nhiếp tất cả Ba-la-mật-đa, vì chúng thuận hợp nhau.

Nếu luận riêng về sự thu nhiếp nhau thì có ba ý:

1. Nương vào việc tu hạnh trước mà dẫn đến hạnh sau, thì hạnh trước thu nhiếp hạnh sau, vì sau phải đợi trước, hạnh sau không thu nhiếp hạnh trước, vì trước không cần đợi sau.

2. Nương vào việc tu hạnh sau giữ gìn sự thanh tịnh cho hạnh trước, thì hạnh sau thu nhiếp hạnh trước, vì sau giữ thanh tịnh cho trước, hạnh trước không thu nhiếp hạnh sau, vì trước không giữ thanh tịnh cho sau.

3. Nếu nương vào sự thuần nhất hay lẫn lộn tu tập mà luận, thì triển chuyển trông qua nhau, nên lập làm bốn câu (thuần không tạp, tạp không thuần, cũng thuần cũng tạp, không thuần không tạp).

- Ở đây thật có mười độ, nhưng có chỗ nói sáu độ, nên biết bốn độ sau trong mười độ, nhiếp thuộc độ thứ sáu. Hoặc sáu độ mà mở ra thành mười độ thì trong đó độ thứ sáu nhiếp về trí vô phân biệt, còn bốn độ sau đều nhiếp vào trí hậu đắc, vì duyên theo thế tục.

- Hậu quả do mười hạnh này chiêu cảm là: Mười hạnh hữu lậu thì chiêu cảm bốn quả Đẳng lưu, Dị thực, Tăng thượng, Sĩ dụng, trừ quả Ly hệ. Mười hạnh vô lậu thì chiêu cảm bốn quả Đẳng lưu, Tăng thượng, Sĩ dụng, Ly hệ, trừ quả Dị thực. Nhưng có chỗ nói mười hạnh chiêu cảm đủ cả năm quả, hoặc tương tự nhau, hoặc hợp cả hai quả hữu lậu, vô lậu mà nói.

Mười hạnh này với ba vô học thu nhiếp nhau như thế này:

- **Giới học** có ba:

1. Giới luật nghi: Là chính thức xa lìa những điều đáng xa lìa.
2. Giới nhiếp thiện pháp: Là chính thức tu chứng những điều đáng

tu chứng.

3. Giới nhiều ích hữu tình: Là chính thức lợi lạc tất cả hữu tình.

Giới học này với Nhị thừa có chung và không chung, rộng lớn sâu xa, như chỗ khác nói (giới nhiếp luật nghi là chung với Nhị thừa, còn hai giới kia chỉ Đại thừa có).

- **Định học** có bốn:

1. Định Đại thừa quang minh: Là định làm phát sanh ánh sáng trí tuệ chiếu liễu lý, giáo, hạnh, quả Đại thừa (Bát-nhã đức).

2. Định vương gom góp phước đức: Là định tự tại gom góp vô biên phước đức, như vua có thế lực không gì sánh nổi (giải thoát đức).

3. Định hiển thủ: Là định có khả năng giữ gìn pháp hiển thiện của thế gian và xuất thế gian (pháp thân đức).

4. Định kiện hành: Là việc làm của hạng hữu tình lớn lao mạnh mẽ như Phật, Bồ-tát (định Thủ Lăng Nghiêm).

Cảnh sở thủ duyên, sự đối trị, sức kham chịu, cách dẫn phát, các tác nghiệp của bốn định này như các chỗ khác nói.

- **Tuệ học** có ba:

1. Tuệ gia hạnh không phân biệt (tâm tư chơn như).

2. Tuệ căn bản không phân biệt (chứng như).

3. Tuệ hậu đắc không phân biệt (tuệ khởi dụng lợi tha).

Tự tánh, chỗ nương, nhân duyên, cảnh sở duyên và hành tướng của ba tuệ này như các chỗ khác đã nói.

- Ba tuệ như vậy, về chủng tử thì trong hai địa vị tư lương và gia hạnh đều có đủ, còn về hiện hành thì chỉ có ở trong gia hạnh vị. Trong thông đạt vị, về hiện hành thì có hai tuệ là căn bản và hậu đắc, về chủng tử thì có đủ cả ba tuệ. Còn trong kiến đạo vị thì không có hiện hành gia hạnh tuệ. Trong tư tập vị gồm có mười địa (thập địa), địa thứ bảy trở về trước hoặc chủng hoặc hiện đều có ba tuệ; địa thứ tám trở đi, hiện hành thì có hai tuệ là căn bản và hậu đắc, vì địa thứ tám trở đi là vô công dụng đạo, trái với hiện hành gia hạnh tuệ. Sự tấn tới của nó đều dùng trí hậu đắc, nhậm vận hiện khởi trong khi quán vô lậu (chứ không phải dùng trí gia hạnh). Trong cứu cánh vị, đều có hai tuệ căn bản và hậu đắc vừa hiện hành vừa chủng tử, còn hiện hành và chủng tử của tuệ gia hạnh thì ở đây đều đã bỏ hết.

- Nếu tự tánh gì nhiếp theo tự tánh ấy, thì giới chỉ nhiếp Giới; Định chỉ nhiếp tịnh lự, còn Tuệ thì nhiếp năm độ sau. Nếu kiêm nhiếp cả các độ trợ bạn đồng hành thì sáu độ đều nhiếp đủ lẫn nhau.

Nếu nhiếp theo tác dụng thì giới nhiếp ba độ trước, vì bố thí là tư

lượng của giới, trì giới là tự thể của giới và nhân nhục là quyền thuộc của Giới; Định nhiếp tịnh lự; Tuệ nhiếp năm độ sau, tinh tấn nhiếp cả ba là Giới, Định, Tuệ, vì nó sách tấn khắp ba thứ đó.

- Nếu theo tướng rõ ràng mà nhiếp thì giới thu nhiếp bốn độ trước là thí, giới, nhân, thêm tinh tấn là sách tấn thủ hộ, thành bốn; định nhiếp tịnh lự; tuệ nhiếp năm độ sau.

- Địa vị của mười thắng hạnh này là, cả năm địa vị từ tư lương đến cứu cánh đều có đủ, tuy nhiên chỉ ở trong tu tập vị tướng nó rõ rệt hơn. Nhưng các Bồ-tát đốn ngộ ở trong hai địa đầu, về chủng tử mười hạnh thì thông cả hữu lậu, vô lậu, về hiện hành của mười hạnh thì chỉ là hữu lậu. Những Bồ-tát tiệm ngộ thì hoặc chủng hoặc hiện đều thông cả hữu lậu, vô lậu, vì đã có được sự quán sát về sanh không vô lậu. Ở trong thông đạt vị chủng tử mười hạnh thông cả hữu lậu, vô lậu, còn hiện hành của mười hạnh thì chỉ là vô lậu.

- Trong tu tập vị gồm có mười Địa, địa thứ bảy trở về trước, thì chủng tử và hiện hành của mười hạnh đều thông cả hữu lậu, vô lậu, địa thứ tám trở đi, về chủng tử mười hạnh thì thông cả hữu lậu, vô lậu, còn hiện hành thì chỉ là vô lậu. Trong cứu cánh vị, hoặc chủng hoặc hiện của mười hạnh đều chỉ là vô lậu.

- Mười thắng hạnh trong lúc tu nhưn gồm có ba tên:

1. Viễn Ba-la-mật-đa: Tức vô số kiếp đầu tiên, lúc này thế lực của sự bố thí v.v... còn yếu, bị phiền não đè, chưa thể đè lại nó, do đó phiền não cứ thành linh hiện hành.

2. Cận Ba-la-mật-đa: Tức vô số kiếp thứ hai, lúc này thế lực của sự bố thí v.v... dần dần tăng, không còn bị phiền não đè, mà ngược lại đè nó. Do đó phiền não khi có cố ý nó mới hiện hành.

3. Đại Ba-la-mật-đa: Tức vô số kiếp thứ ba, lúc này thế lực của bố thí v.v... càng tăng, dẹp hoàn toàn tất cả phiền não hiện hành. Do đó phiền não vĩnh viễn không thể hiện hành, nhưng còn hiện hành và chủng tử của sở tri chướng vi tế và chủng tử của phiền não chướng chưa hoàn toàn dứt bỏ.

Nghĩa loại của mười Thắng hạnh sai biệt vô biên, chỉ sợ đông dài, nên lược nêu cương yếu.

- Mười Thắng hạnh, tuy trong mười địa Bồ-tát đều thật tu, nhưng tùy theo tướng của mỗi thứ tăng hơn mà mỗi địa tu mỗi hạnh.

Tuy pháp tu của mười địa Bồ-tát có vô lượng môn, nhưng đều nhiếp vào trong mười hạnh đáo bỉ ngạn này.

- Mười trọng chướng là:

1. Chương của tánh Di sanh (phàm phu): Đó là dựa vào phần chủng tử của hai chương phân biệt khởi mà lập làm Di sanh tánh. Nhị thừa lúc có trí kiến đạo hiện tiền, chỉ dứt được một thứ phân biệt phiền não, gọi là được Thánh tánh. Bồ-tát lúc có trí kiến đạo hiện tiền, thì dứt cả hai chương phân biệt, gọi là được Thánh tánh. Vì lúc hai chơn kiến đạo (của Nhị thừa và Bồ-tát) hiện tiền thì chủng tử của hai chương phân biệt kia, ắt không thành tựu. Giống như sáng và tối quyết định không cùng sanh, hoặc như hai đầu cân, cao thấp cùng trong một lúc. Những pháp trái nhau, lẽ thường như vậy. Thế nên hai tánh “hoặc” và “trí” không có cái lỗi cùng khởi một lúc.

Hỏi: Trong thời gian của vô gián đạo, đã không còn chủng tử các hoặc, thì cần gì khởi lên giải thoát đạo?

Đáp: Vì vô gián đạo là trong thời kỳ trí hậu đắc dứt hoặc, giải thoát đạo là trong thời kỳ trí căn bản chứng diệt. Tâm trong hai thời kỳ khác nhau, nên phải có giải thoát đạo. Lại vì để xả bỏ tánh thô trọng của phẩm hoặc kia. Vì trong lúc vô gián đạo tuy không có chủng tử các hoặc, nhưng chưa bỏ được tánh không kham nhậm (thô trọng) của nó. Vì để bỏ tánh không kham nhậm đó, nên phải khởi giải thoát đạo. Lại nữa vì để chứng được trạch diệt vô vi của phẩm hoặc ấy.

Tuy ở kiến đạo vị phát khởi, cũng dứt các nghiệp quả trong đường ác, nhưng nay nói kiến đạo còn khởi các hoặc, vì các hoặc là căn bản của nghiệp quả. Do đó ở sơ địa nói dứt cái tánh thọ trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu đấm chấp ngã pháp, tức là cái chương Di sanh tánh nói ở đây.

- Hai là cái ngu về các tạp nhiễm trong đường ác. Các nghiệp quả do ngu mà có, cùng phẩm loại với ngu, nên gọi chung là ngu.

Ở chín địa sau chuẩn theo đây mà giải thích (như lầm phạm ba nghiệp cũng gọi là ngu).

Hoặc nói ở Sơ địa, dứt hai thứ ngu (vô minh) là chỉ cho hai ngu cùng khởi với Lợi sử (năm ác kiến) và Độn sử (tham, sân v.v...).

Nói chữ “thô trọng kia” là chỉ cho chủng tử của hai ngu, hoặc là tánh không kham nhậm do hai ngu khởi lên. Như nói vào đệ Nhị Thiên là dứt khổ căn (thô trọng), tuy khổ căn không phải hiện hành hay chủng tử nhưng cũng gọi là thô trọng (chữ thô trọng này có nghĩa là tánh không kham nhậm).

Từ đây về sau trong các địa, nếu gặp chữ thô trọng, thì nên giải thích theo đây.

Tuy trong Sơ địa, các hoặc do kiến đạo dứt, thật thông cả hai chướng phiền não và sở tri, mà nay nói ở Sơ địa bị chướng dị sanh tánh là chủ ý nói phần sở tri chướng trong dị sanh tánh đó. Vì Kinh nói: “Mười địa dứt mười thứ vô minh” chứ không phải pháp phiền não nhiễm ô. Vô minh chính là cái ngu trong mười phẩm chướng, vì Nhị thừa cũng dứt được phiền não chướng, vì phiền não là thứ chung với Nhị thừa, nó không phải ở đây muốn nói.

Lại mười vô minh không ô nhiễm là chỉ dựa vào thứ hoặc do tu sở đoạn tại mười địa mà nói. Tuy ở tại Sơ địa cũng dẹp một phần phiền não câu sanh, cho nên đây không nói. Đúng lý thì thật sự trong tu đạo vị của Sơ địa (trong Sơ địa có ba tâm là nhập tâm, trú tâm, xuất tâm. Nhập tâm cũng gọi là sơ tâm; kiến đạo vị, trú tâm, xuất tâm cũng gọi hậu tâm tu đạo vị) cũng dứt một phần sở tri chướng câu sanh, nhưng nay cốt nói điều phải dứt đầu tiên (là dứt chướng Dị sanh tánh).

Sự dứt chướng của chín địa sau, theo đây mà biết.

Khi trú trong mãn địa (Sơ địa hậu tâm) đã ngấm lâu rồi, lý phải tiến tới, dứt hết những chướng cần phải dứt. Nếu không như vậy, thì ba thời, trong mỗi địa lúc đầu với vô gián đoạn, lúc giữa với giải thoát đạo, lúc cuối với thắng tấn đạo, không có sai khác.

Bởi vậy, nói Bồ-tát khi được hiện quán rồi, lại ở cương vị tu đạo trong mười địa chỉ tu đạo để vĩnh viễn dứt hết sở tri chướng, còn để lại chủng tử phiền não chướng câu sanh, để giúp cho nguyện Bồ-đề thọ sanh lại ba cõi, chẳng phải như Nhị thừa mong mau đạt tới viên tịch, cho nên Bồ-tát ở tu đạo vị không đoạn chủng tử phiền não đợi đến khi sắp thành Phật mới chóng đoạn một lần.

2. Chướng của tà hạnh: Tức là một phần câu sanh trong sở tri chướng, và những điều lầm phạm nơi ba nghiệp do phần câu sanh sở tri chướng đó khởi lên, nó làm chướng ngại đối với giới rất thanh tịnh (cực tịnh Thi la) của Nhị địa. Khi vào Nhị địa liền vĩnh viễn dứt sạch chướng này. Do đó nói ở địa thứ hai là dứt hai cái ngu và tính thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu, lầm phạm giới vi tế, tức một phần câu sanh trong sở tri chướng.

- Hai là cái ngu về các nghiệp, các thú, tức là ba nghiệp lầm phạm do chướng này khởi lên, hoặc là ngu vì chỉ khởi nghiệp mà không hiểu là nghiệp.

3. Chướng của sự ám độn: Tức là một phần câu sanh trong sở tri chướng, khiến những giáo pháp đã được nghe, suy nghĩ, tu trì bị quên

mất. Nó làm chướng ngại đối với thắng định tổng trì của địa thứ ba, và ba tuệ thù thắng do định đó phát sanh. Khi vào địa thứ ba liền vĩnh viễn dứt sạch chướng này. Do đó nói ở địa thứ ba dứt hai cái ngu và tánh thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu tham dục, tức là cái ngu (một phần câu sanh trong sở tri chướng) nó làm chướng ngại thắng định và tu tuệ nói trong đây, vì nó từ xa xưa phần nhiều đi chung với tham dục, cho nên gọi là dục tham ngu. Nay được thắng định và tu sở thành tuệ, một phần câu sanh sở tri chướng đã vĩnh viễn bị dứt thì dục tham cũng theo đó bị dẹp. Vì từ vô thủy lại, dục tham nương nơi một phần câu sanh trong sở tri chướng đó khởi lên.

- Hai là cái ngu về Đà-la-ni văn trì viên mãn, tức là cái ngu làm chướng ngại cái tuệ có khả năng tổng trì các pháp đã được nghe, nghĩ.

4. Chướng của phiền não vi tế hiện hành: Tức là một phần câu sanh trong sở tri chướng, và thân kiến cùng khởi với thức thứ sáu, vì nó là tối hạ phẩm, tức không tác ý mà duyên, là từ xa xưa cứ theo hiện hành, cho nên nói là vi tế. Nó là chướng ngại pháp Bồ-đề phần của địa thứ tư. Khi vào địa thứ tư, chướng này bèn vĩnh viễn dứt sạch. Vì một phần câu sanh sở tri chướng này từ xa xưa cùng với phiền não chấp ngã kiến nhậm vận sanh (câu sanh) trong thức thứ sáu đồng một thể khởi lên, cho nên gọi nó là phiền não. Nay trong địa thứ tư, đã chứng được pháp Bồ-đề phần vô lậu, sở tri chướng kia bị dứt vĩnh viễn, thì ngã kiến này cũng vĩnh viễn không hiện hành.

Sơ, Nhị, Tam địa thật hành thí, giới, tu tuệ, sự tương đồng với thế gian, còn địa thứ tư này tu đặc pháp Bồ-đề phần, mới gọi là xuất thế, nên vĩnh viễn hại được hai thứ thân kiến (thân kiến, biên kiến) này.

Hỏi: Sao biết thân kiến này chỉ tương ứng với thức thứ sáu?

Đáp: Ngã kiến tương ứng với thức thứ bảy cùng với đạo vô lậu, tánh trái nghịch nhau, nên khi lên địa thứ tám trở đi, thức ngã này mới vĩnh viễn không hiện hành, còn địa thứ bảy trở lui nó còn hiện khởi, vì ngã kiến này cùng với các phiền não ngã si, ngã ái, ngã mạn làm chỗ nương dựa duy trì. Ngã kiến nơi thức thứ sáu thô, nơi thức thứ bảy tế nên sự uốn dẹp có trước sau, vì vậy ở địa thứ tư này chỉ nói dứt thức ngã kiến tương ứng với thức thứ sáu.

Nói chữ “thân kiến” v.v... cũng gồm luôn cả định ái (ái trước Thiền định), pháp ái (ái trước pháp đã nghe, nghĩ, tu) thuộc sở tri chướng vô trí. Định ái, pháp ái đó ở địa thứ ba còn tăng, vào địa thứ tư mới vĩnh viễn dứt, vì pháp Bồ-đề phần đặc biệt trái với nó. Do đó, nói ở địa thứ

tư dứt hai cái ngu và tánh thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu ái trước đẳng chí (định thắng xứ, mười biến xứ, bốn vô sắc, vô tướng) tức là định ái cùng đi với câu sanh sở tri chướng nói trong đây.

- Hai là cái ngu pháp ái, tức là pháp ái cùng đi với câu sanh sở tri chướng nói trong đây.

Khi hai cái ngu nhiếp thuộc sở tri chướng đã dứt thì hai thứ ái thuộc phiền não chướng cũng vĩnh viễn không hiện hành.

5. Chướng của hạ thừa Bát Niết-bàn: Đó là một phần câu sanh trong sở tri chướng, xui khiến chán sanh tử, ưa Niết-bàn đồng với Nhị thừa bậc dưới, chán khổ ưa tịch diệt, nó làm chướng ngại đạo không sai biệt của địa thứ năm. Khi vào địa thứ năm, chướng này bèn bị dứt vĩnh viễn. Do đó nói ở địa thứ năm dứt hai cái ngu và tính thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu chỉ thuần khởi ý chán bỏ sanh tử, tức trong đây nói chán sanh tử.

- Hai là cái ngu chỉ thuần khởi ý hướng đến Niết-bàn, tức trong đây nói ưa Niết-bàn.

6. Chướng của thô tướng hiện hành: Tức là một phần câu sanh trong sở tri chướng, chấp có thô tướng nhiễm tịnh hiện hành, nó làm chướng ngại đối với đạo không nhiễm tịnh của địa thứ sáu. Khi vào địa thứ sáu thì chướng này liền bị dứt vĩnh viễn. Do đó, nói địa thứ sáu dứt hai cái ngu và tánh thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu hiện quán sát các hành lưu chuyển, tức trong đây nói chấp có tướng nhiễm (của lưu chuyển môn Khổ, Tập đế) vì các hành lưu chuyển thuộc về phần nhiễm.

- Hai là cái ngu về tướng quán hiện hành nhiều, tức trong đây nói chấp có tướng tịnh, vì thủ lấy tướng tịnh (của hoàn diệt môn Diệt, Đạo đế) nên tướng quán thì hiện hành nhiều, mà chưa có thể trú vào vô tướng quán lâu dài.

7. Chướng của tế tướng hiện hành: Tức là một phần câu sanh trong sở tri chướng, chấp có tướng vi tế sanh diệt hiện hành, nó làm chướng ngại đạo vi diệu vô tướng của địa thứ bảy. Khi vào địa thứ bảy, chướng này liền bị diệt vĩnh viễn. Do đó nói địa thứ bảy dứt hai cái ngu và tánh thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu về tướng hiện hành, tức trong đây nói chấp có tướng sanh, vì còn chấp thủ tướng sanh vi tế trong lưu chuyển môn.

- Hai là cái ngu về sự chỉ thuần tác ý cầu vô tướng, tướng trong

đây nói chấp tướng diệt, vì còn chấp thủ tướng diệt vi tế trong môn hoàn diệt, chỉ thuần tác ý cần cầu vô tướng, nên chưa thể ở trong không vô tướng thiện xảo mà khởi lên thắng hạnh hữu vi.

8. Chương của sự tác ý gia hạnh vô tướng: Tức là một phần câu sanh trong sở tri chương, nó khiến cho vô tướng quán không thể nhậm vận khởi lên. Năm địa trước quán hữu tướng nhiều, quán vô tướng ít, địa thứ sáu quán hữu tướng ít, quán vô tướng nhiều. Trong địa thứ bảy, thuần quán vô tướng, tuy hằng tương tục, nhưng có gia hạnh quán. Do trong khi quán vô tướng có tác ý gia hạnh, nên chưa thể nhậm vận hiện ra thân tướng và quốc độ. Gia hạnh như thế là chương ngại đạo vô công dụng của địa thứ tám, nếu khi được vào địa thứ tám thì chương này liền bị diệt trừ vĩnh viễn. Do dứt vĩnh viễn mà được hai điều tự tại (hiện tướng và hiện độ). Do đó nói trong địa thứ tám dứt hai cái ngu và tánh thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu ở trong vô tướng mà tác ý công dụng.

- Hai là cái ngu ở trong tự tại, tướng không được tự tại, khiến ở trong tướng không được tự tại, tướng này cũng nhiếp một phần tướng quốc độ. Địa thứ tám trở lên, thuần đạo vô lậu (Nhị không quán) mới được nhậm vận tự tại khởi. Phiền não của ba cõi bảy giờ vĩnh viễn không hiện hành, chỉ có sở tri chương vi tế trong thức thứ bảy là còn có hiện khởi, vì trí quả sanh không, không trái với sở tri chương vi tế đó.

9. Chương không muốn thật hành việc lợi tha: Tức là một phần câu sanh trong sở tri chương, nó xui khiến đối với việc lợi lạc hữu tình không muốn siêng làm, chỉ ưa tu hạnh tự lợi. Nó làm chương ngại đối với bốn vô ngại giải của địa thứ chín. Khi vào địa thứ chín liền dứt hai cái ngu và tánh thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu đối với vô lượng pháp được nói, vô lượng danh, câu, chữ, và tuệ biện của hậu đắc trí Đà-la-ni tự tại. Đối với vô lượng pháp được nói Đà-la-ni tự tại tức là hiểu biết về nghĩa không ngăn ngại, tức đối với nghĩa lý sở thuyên tóm giữ tự tại, trong một nghĩa mà hiện bày tất cả nghĩa. Đối với vô lượng danh, câu, chữ Đà-la-ni tự tại, nghĩa là hiểu biết về pháp không ngăn ngại, tức đối với ngôn từ năng thuyên, tóm giữ tự tại, trong một danh, câu, chữ, hiện bày tất cả danh, câu, chữ. Đối với tuệ biện của hậu đắc trí Đà-la-ni tự tại, nghĩa là hiểu biết về ngôn từ không ngăn ngại, tức đối với ngôn từ, âm thanh triển chuyển huẩn thích, tóm giữ tự tại, trong một âm thanh mà hiện bày tất cả âm thanh.

- Hai là cái ngu về khả năng biện tài tự tại. Biện tài tự tại là hiểu

biết về biện tài không ngăn ngại, tức khéo thấu rõ cơ nghi, khéo vì nói pháp. Cái ngu này làm chướng ngại bốn thứ tự tại đó, và đều nhiếp vào trong cái chướng thứ chín này.

10. Chướng đối với các pháp chưa được tự tại. Đó là một phần câu sanh trong sở tri chướng, làm cho đối với các pháp không được tự tại, nó chướng ngại mây trí đại pháp và công đức được hàm tàng, sự nghiệp được khởi lên từ trong trí đó của địa thứ mười. Khi vào địa thứ mười thì cái chướng này bị dứt vĩnh viễn. Do đó, nói địa thứ mười dứt hai cái ngu và tánh thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu về đại thân thông, tức trong đây nói nó làm chướng ngại khởi lên sự nghiệp.

- Hai là cái ngu về sự ngộ nhập vi tế bí mật, tức trong đây nói làm chướng ngại mấy trí đại pháp và công đức như mười lực, bốn vô úy hàm tàng trong trí đó.

Địa thứ mười này tuy được tự tại đối với pháp, nhưng vì còn có chướng thừa, nên chưa được gọi là tối cùng cực, nghĩa là còn có sở tri chướng câu sanh vi tế và chủng tử phiền não chướng nhậm vận khởi. Đến khi Kim cang dụ định hiện tại tiền, chúng chóng bị dứt một lần mà vào Như Lai địa. Do đó nơi Phật địa dứt hai cái ngu và tánh thô trọng của nó. Hai cái ngu là:

- Một là cái ngu đối với tất cả cảnh sở tri còn sự chấp trước rất vi tế, tức trong đây nói chướng sở tri vi tế.

- Hai là cái ngu của sự chướng ngại vi tế, tức trong đây nói chủng tử của tất cả phiền não chướng nhậm vận câu sanh. Cho nên trong Tập Luận nói: “Khi được Bồ-đề, chóng dứt phiền não và sở tri chướng, thành A-la-hán và thành Như Lai, chủng Đại Niết-bàn và Đại Bồ-đề vậy”.

(Hết cuốn 9 của bản Hán)

Mười một chướng này (mười chướng cộng thêm chướng còn thừa ở Phật địa thành mười một) đều thu vào hai chướng là phiền não và sở tri.

- Trong phiền não chướng, phần chủng tử thuộc kiến đạo đoạn, thì khi vào kiến đạo vị của Sơ địa cực hỷ, bắt đầu đoạn trừ, còn phần hiện hành phiền não chướng thuộc kiến đạo đoạn, thì đã khắc dẹp trước khi vào Sơ địa. Phần chủng tử phiền não chướng thuộc tu đạo đoạn, thì khi

Kim cang dụ định hiện tại tiền, tất cả đều kíp đoạn một lần. Còn phần hiện hành của phiền não chướng thuộc tu đạo đoạn thì đã tạm khắc dẹp trước khi vào Sơ địa, từ Sơ địa trở lên, kíp dẹp hết loại hiện hành này một lần, khiến vĩnh viễn không hiện hành, như A-la-hán. Chỉ trừ do sức cố ý mà trong bảy địa đầu tuy có tạm thời khởi lên nhưng không phải là lỗi. Nếu từ địa thứ tám trở lên, thì loại phiền não thuộc tu đạo đoạn, hoàn toàn không còn hiện hành. (Ở A-na-hàm khởi Kim cang dụ định, dứt sạch chủng tử, phiền não mà chứng A-la-hán).

Trong sở tri chướng, phần chủng tử thuộc kiến đạo đoạn, thì khi vào kiến đạo vị của Sơ địa cực hỷ, bắt đầu đoạn trừ; còn phần hiện hành của sở tri chướng thuộc kiến đạo đoạn thì khắc phục trước khi vào Sơ địa. Phần chủng tử sở tri chướng thuộc tu đạo đoạn thì trong mười địa lần lượt đoạn dứt, thẳng đến khi Kim cang dụ định hiện tại tiền thì mới vĩnh viễn dứt sạch.

Còn phần hiện hành sở tri chướng thuộc tu đạo đoạn thì trước sơ địa đã lần lần khắc phục, cho đến địa thứ mười mới vĩnh viễn dứt sạch. Nếu từ địa thứ tám trở lên, thì câu sanh sở tri chướng tương ứng với thức thứ sáu không còn hiện hành, vì tâm quán vô lậu và “trí quả sanh không” thường tiếp tục, trái với nó. Nhưng câu sanh sở tri chướng tương ứng thức thứ bảy vẫn còn hiện hành, phải có trí quả quán pháp không hiện khởi mới dẹp được nó. Năm chuyển thức trước dù chưa được chuyển y, nhưng do sức quán vô lậu (quán hai không) đè dẹp, mà sở tri chướng nơi năm thức này không thể khởi được. (Ở Đẳng giác địa khởi Kim cang dụ định dứt hết chủng tử Sở tri mà chứng Diệu giác).

Tuy trong mười địa vị tu đạo không cốt dứt chủng tử phiền não chướng, (chỉ cốt sở tri chướng), nhưng mà tánh thô trọng (không kham nhậm) của nó cũng đã dần dần dứt. Do đó nên nói hai chướng thô trọng, mỗi mỗi mỗi có ba địa vị đoạn trừ.

Tuy trong các địa vị đều dứt thô trọng, nhưng có địa vị rõ rệt cho nên nhấn mạnh nói (ba địa đoạn trừ là Thông đạt vị, Tu tập vị, Cứu cánh vị).

Dứt chủng tử hai chướng Tiệm, Đốn (lần lần, một lần) như thế nào?

- Chủng tử phiền não chướng tương ứng với thức thứ bảy, khi hàng Tam thừa sắp được quả vị vô học, chỉ một sát-na thì đoạn hết chướng này trong ba cõi. Còn chủng tử sở tri chướng, khi sắp thành Phật, trong một sát-na thì dứt hết tất cả. Vì nó lặng lẽ nhậm vận khởi lên bên trong, không có thô tế.

- Chủng tử của phiền não chướng tương ứng với thức thứ thứ sáu, nếu thuộc loại kiến đạo đoạn, thì trong chơn kiến đạo của kiến đạo vị Tam thừa, dứt hết tất cả một lần. Nếu thuộc loại tu đạo đoạn thì tùy chỗ thích hợp, hoặc có một loại Nhị thừa đối với câu sanh phiền não trong ba cõi, chín địa mỗi mỗi lần lượt đoạn từng chín phẩm riêng. Lại có một loại Nhị thừa đối với câu sanh phiền não trong ba cõi, chín địa, hợp lại làm một nhóm chín phẩm riêng. Còn Bồ-tát thì đến khi khởi Kim cang dụ định, trong một sát-na, mới đoạn hết phiền não trong ba cõi một lần.

- Chủng tử sở tri chướng thuộc kiến đạo đoạn, (tương ứng với thức thứ sáu), thì khi vào sơ tâm của Sơ địa là đoạn hết một lần. Nếu là thuộc loại tu đạo đoạn, thì sau trong tu đạo vị của mười địa, lần lượt dứt, cho đến khi chính thức khởi lên Kim cang dụ định, trong một sát-na mới đoạn hết được. Vì sở tri chướng (tương ứng với thức thứ sáu) duyên cả cảnh thô tế bên trong thân và ngoài thân mà sanh khởi, có nhiều phẩm loại sai khác (nên không thể dứt một lần).

Hàng Nhị thừa căn độn, cho nên khi lần lượt đoạn chướng ấy phải khởi riêng vô gián đạo; còn nếu là gia hạnh đạo thẳng tấn đạo thì hoặc khởi chung, hoặc khởi riêng.

Hàng Bồ-tát vì lợi căn, khi ở địa vị dứt lần lần sở tri chướng không cần phải khởi riêng vô gián đạo, giải thoát đạo, mà ngay trong từng sát-na, có thể đoạn hoặc và chứng quả, nên bốn vị là gia hạnh, vô gián, giải thoát, thẳng tấn, trước sau trông nhau, đều dùng có đủ.

Mười Chơn như là:

1. Biến hành chơn như: Tức là chơn như do hai không hiển lộ, không một pháp nào mà không có nó.
2. Tối thắng chơn như: Tức là chơn như đủ vô biên đức, đối tất cả pháp là tối thắng hơn cả.
3. Thắng lưu chơn như: Tức là chơn như này tương đồng giáo pháp, tối thắng hơn cả.
4. Không nhiếp thọ chơn như: Tức là chơn như không chi hệ thuộc, chẳng phải làm chỗ nương cho ngã chấp v.v...
5. Loại vô biệt chơn như: Tức là chơn như loại không sai khác, không như loại mắt, tai v.v... sai khác nhau.
6. Không nhiễm tịnh chơn như: Tức là chơn như tánh vốn không nhiễm, nên không thể nói về sau nó mới thanh tịnh.
7. Pháp không sai biệt chơn như: Tức là chơn như, tuy có nhiều thứ giáo pháp an lập, mà vẫn không sai khác.

8. Không tăng giảm chơn như: Tức là chơn như chấp tăng giảm, vì không theo tịnh nhiệm mà có tăng giảm, nó cũng được gọi là chơn như làm chỗ nương cho thân tướng quốc độ tự tại. Nghĩa là nếu chứng được chơn như này rồi thì tự tại hiện thân tướng, quốc độ.

9. Trí tự tại sở y chơn như: Tức là nếu chứng được chơn như này rồi thì được tự tại đối với sự hiểu biết vô ngại.

10. Nghiệp tự tại sở y chơn như: Tức là nếu chứng được chơn như này rồi, thì khắp tự tại đối với tất cả thân thông, tác nghiệp, tổng trì, định môn.

Tuy tánh chơn như vốn thật sai khác, nhưng theo đức tính thù thắng sai khác mà giả lập, làm mười thứ.

Tuy trong Sơ địa đã đạt được hết thấy, nhưng mười Thắng hạnh để chứng đạt chơn như còn chưa viên mãn. Để viên mãn mười Thắng hạnh đó, cho nên nương các thắng đức tiếp theo sau chơn như biến hành mà lập ra mười Chơn như.

- Như vậy, Bồ-tát ở trong mười địa, đồng mãnh tu hành mười Thắng hạnh, dứt mười Trọng chướng, chứng Chơn như, liền chứng đắc có hai thứ chuyển y.

- Địa vị chuyển y sai khác lược có sáu thứ:

1. Tổn lực ích năng chuyển: Tức là ở tư lương vị gia hạnh vị, do tu tập thắng giải, và có tâm tâm quý, làm suy tổn thế lực chủng tử tạp nhiễm trong bản thức, và làm tăng ích công năng chủng tử thanh tịnh trong bản thức, tuy chưa dứt hết chủng tử hai chướng, thực chứng chuyển y, song đã lần lượt khắc phục hiện hành hai chướng, cũng gọi là chuyển.

2. Thông đạt chuyển: Tức là ở địa vị thông đạt, do sức kiến đạo, thông đạt chơn như, dứt phần thô trọng của hai chướng phân biệt, chứng được một phần chơn như chuyển y.

3. Tu tập chuyển: Tức là ở địa vị tu tập, do thường tu tập mười Thắng hạnh của mười địa, lần lần đoạn phần thô trọng của hai chướng câu sanh, thứ lớp chứng được chuyển y chân thật. Nhưng trong luận Nhiếp Đại thừa lại nói: “Tu Tập chuyển này ở tại sáu địa đầu”, là vì ở đây do quán hữu tướng, quán vô tướng, mà thông đạt cả chơn và tục đế, xen lẫn hiện tiền, khiến phi chơn hiện, chơn không hiện, hoặc chơn hiện, phi chơn không hiện. Còn nói tu tập chuyển là ở bốn địa sau trong mười địa, vị ở đây trí thuần quán vô tướng luôn luôn hiện tiền, đồng mãnh tu tập, dứt các thô trọng còn thừa, phần nhiều làm cho phi chơn không hiển hiện được.

4. Quả viên mãn chuyển: Tức là ở địa vị cứu cánh do ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tu tập vô biên thắng hạnh khó hành, cho đến khi Kim cang dụ định hiện tại tiền, thì vĩnh viễn dứt sạch tất cả thô trọng từ xưa nay, kíp chứng Phật quả, viên mãn chuyển y, tột đời vị lai lợi lạc vô tận.

5. Hạ liệt chuyển: Tức là hàng Nhị thừa vì lẽ chuyên cầu tự lợi, chán khổ ưa tịch diệt, nên chỉ thông đạt được chơn như do sanh không hiển lộ, chỉ dứt được chủng tử phiền não chướng, và chỉ chứng được chơn trạch diệt vô vi, không có sức kham năng, cho nên gọi là hạ liệt chuyển.

6. Quảng đại chuyển: Tức là hàng Đại thừa, vì lẽ lợi tha mà hướng tới đại Bồ-đề, không chán sanh tử, không thích Niết-bàn, thông đạt được chơn như do hai không hiển lộ, dứt cả chủng tử hai chướng sở tri và phiền não, và kíp chứng Vô thượng Bồ-đề Niết-bàn. Có sức kham năng đặc biệt như vậy cho nên gọi là quảng đại chuyển.

Trong bài Tụng nói “được chuyển y”, chính là nói về quảng đại chuyển y này, do bỏ hết phần thô trọng của hai chướng mà chứng được.

- Nghĩa của chuyển y sai khác có bốn thứ là năng chuyển đạo, sở chuyển y, sở chuyển xả, sở chuyển đắc.

1. Năng chuyển đạo, đây lại có hai:

a. Đạo năng phục, là khắc phục thế lực tùy miên của hai chướng, khiến không cho dẫn sanh ra hiện hành của hai chướng. Đạo này thông cả hai đạo hữu lậu và vô lậu, cũng thông ba trí gia hạnh, căn bản, hậu đắc. Tùy chỗ thích hợp mà lần lần hoặc một lần khắc phục hiện hành hai chướng.

b. Đạo năng đoạn, là có thể vĩnh viễn dứt tùy miên của hai chướng. Đạo này nhất định không phải là đạo hữu lậu và trí gia hạnh, có khả năng làm được, vì đạo hữu lậu đã từng tập quen, và là do tướng chấp (tướng phiền não trong thức thứ bảy) dẫn phát, chưa dứt tướng được, nên dùng trí gia hạnh mà hướng cầu chứng chơn như, dẫn sanh căn bản trí, thì chưa thể thành được.

- Có người cho rằng, trí căn bản vô phân biệt, thân chứng chơn lý do hai không hiển lộ, vì không có tướng cảnh, nên có thể dứt tùy miên, còn trí hậu đắc thì không được như vậy (vì còn biến tướng quán không, nên không phải là đạo dứt hoặc).

- Có người cho rằng trí hậu đắc vô phân biệt, tuy không thân chứng chơn lý hai không, không đủ sức dứt được tùy miên mê lý, nhưng đối với tướng an lập và phi an lập, chứng đạt rõ ràng hiện tiền không điên đảo,

cũng có thể dứt vĩnh viễn tùy miên mê sự. Nên luận Du-già nói: “Trong địa vị tu đạo (Tu tập vị) có đạo thể xuất thế đoạn hoặc”, chứ không có chỉ thuần dùng đạo thể gian mà có thể hại vĩnh viễn tùy miên, vì đạo thể gian là đã từng tập quen, lại do tướng chấp (tướng phiền não trong thức thứ bảy) dẫn phát. Do lẽ đó mà các tùy miên mê lý thuộc kiến đạo đoạn hay tu đạo đoạn chỉ có trí căn bản vô phân biệt thân chứng chơn lý mới chính thức đoạn được. Ngoài ra, các tùy miên mê sự thuộc tu đạo đoạn thì cả trí căn bản và trí hậu đắc đều chính thức đoạn được.

2. Sở chuyển y (chỗ nương được chuyển), đây lại có hai:

a. Chỗ nương duy trì chủng tử, là thức căn bản, nó duy trì chủng tử các pháp nhiễm tịnh và làm chỗ nương cho các pháp nhiễm tịnh, do Thánh đạo chuyển nó, khiến bỏ nhiễm được tịnh. Các pháp Y tha khởi tuy cũng làm chỗ nương, nhưng không thể duy trì chủng tử, cho nên đây không nói.

b. Chỗ nương của mê ngộ, tức là chơn như, nó làm căn bản cho mê ngộ, các pháp nhiễm tịnh nương đó mà được sanh khởi, do Thánh đạo chuyển nó, khiến bỏ nhiễm được tịnh. Các pháp khác cũng làm chỗ nương cho mê ngộ, nhưng không phải căn bản, cho nên đây không nói.

3. Sở chuyển xả (bị chuyển bỏ), đây lại có hai:

a. Bị dứt bỏ, đó là chủng tử hai chướng; khi chơn vô gián đạo hiện tại tiền, thì vì chướng đối trị và đạo đối trị trái nhau, nên chủng tử hai chướng kia tự khắc phải bị đoạn diệt, vĩnh viễn không thể thành tựu lại, nói đó là “bỏ”. Chủng tử kia đã đoạn rồi không còn hiện hành, vọng chấp ngã pháp và tướng pháp bị chấp cũng không còn đối với vọng tình biến kế, nên cũng nói là “bỏ”. Do đó gọi là bỏ Biến kế sở chấp.

b. Bị vứt bỏ, tức là các chủng tử thiện hữu lậu và chủng tử vô lậu yếu kém; khi Kim cang dụ định hiện tại tiền, dẫn phát ra bản thức rất viên minh thuần tịnh, nó không còn làm chỗ nương cho chủng tử thiện hữu lậu và chủng tử vô lậu yếu kém, cho nên hai thứ chủng tử này đều bị vứt bỏ. Chủng tử kia đã bị vứt bỏ rồi thì hiện hành hữu lậu pháp và pháp vô lậu yếu kém hoàn toàn không sanh khởi được. Đã vĩnh viễn không sanh, nên cũng nói là “bỏ”. Do đó gọi là pháp yếu kém sanh tử biến dịch.

- Có người cho rằng các chủng tử pháp hữu lậu và chủng tử pháp vô lậu yếu kém, khi Kim cang dụ định hiện tại tiền, nó đều bị vứt bỏ, cùng lúc bỏ chủng tử vi tế của hai chướng câu sanh.

- Có người cho rằng bấy giờ chỉ bỏ chủng tử hai chướng, nhưng chưa bỏ chủng tử thiện hữu lậu và chủng tử vô lậu yếu kém, vì nó không

trái với vô gián đạo. Nếu nói bây giờ đã vứt bỏ thì Bồ-tát đáng lẽ không còn sanh tử biến dịch. Lại ở địa vị này, chủng tử hữu lậu nếu đã vứt bỏ thì lẽ đáng cũng không có thức Di thực duy trì chủng tử huân tập. Thế thì trong lúc trú vô gián đạo, không nên còn gọi là Bồ-tát Kim cang hậu tâm, mà nên gọi là Phật. Và nếu đã gọi Phật thì giải thoát đạo sau đó trở thành vô dụng. Cần phải biết như vậy. Ngoài ra các chủng tử hữu lậu còn lại phải đợi đến giải thoát đạo khởi lên mới vứt bỏ hết, vì tịnh thức thứ tám không phải là chỗ nương của hai chướng.

4. Sở chuyển đặc (đặc do chuyển đổi), đây lại có hai, là: sở hiển đặc, sở sanh đặc.

A. SỞ HIỂN ĐẶC (đặc do hiển lộ) là Đại Niết-bàn. Niết-bàn tuy xưa nay tự tánh thanh tịnh, nhưng do khách trần chướng ngại che lấp làm cho không hiển lộ. Khi chơn Thánh đạo phát sanh, dứt hết khách chướng khiến cho tướng thanh tịnh đó hiển lộ, gọi là đặc Niết-bàn. Đây là nương theo việc chơn như lìa khỏi chướng mà thiết đặt tên gọi, còn thể của Niết-bàn chính là pháp giới thanh tịnh.

Nghĩa của Niết-bàn sai biệt lược có bốn thứ:

- Niết-bàn bản lai tự tánh thanh tịnh: Tức lý chơn như, chỗ dựa của hết thấy pháp (uẩn, xứ, giới), tuy có sự ô nhiễm từ bên ngoài mà tánh nó vốn thanh tịnh, đầy đủ vô số lượng công đức vi diệu, không sanh không diệt, lặng lẽ như hư không. Hết thấy hữu tình, bình đẳng cùng có. Nó cùng với hết thấy pháp chẳng một, chẳng khác, xa lìa mọi tướng, mọi phân biệt, bất đường suy nghĩ, dứt lối danh ngôn, chỉ có bậc chơn Thánh mới tự chứng ngộ bên trong. Vì tánh vốn tịnh lặng cho nên gọi là Niết-bàn.

- Niết-bàn hữu dư y: Tức chơn như ra khỏi chướng phiền não, tuy còn có thân trí làm chỗ nương cho khổ vi tế, nhưng phiền não chướng đã tịch lặng vĩnh viễn, cho nên gọi là Niết-bàn.

- Niết-bàn vô dư y: Tức chơn như ra khỏi khổ sanh tử, phiền não sạch hết, thân dư thừa cũng diệt, bất hết các khổ, cho nên gọi là Niết-bàn.

- Niết-bàn không trú xứ: Tức chơn như ra khỏi luôn cả sở sở tri chướng, có Đại bi, và Bát-nhã thường phụ giúp, do đó không trụ sanh tử, không trụ Niết-bàn, lợi lạc hữu tình, tốt cùng đời vị lai. Tuy ứng dụng mà thường tịch lặng, cho nên gọi là Niết-bàn.

Tất cả hữu tình đều có Niết-bàn tánh tịnh. Nhị thừa vô học có ba thứ đầu, chỉ đức Thế Tôn mới có thể có đủ cả bốn.

Hỏi: Tại sao đáng Thiện Thệ (khéo đi qua) mà còn có khổ vi tế

chưa hết, để nói là có "Hữu dư y"?

Đáp: Tuy không thật có thân cho khổ nường mà hiện ra như có, hoặc có thân cho khổ nường đã hết, mà nói là "Vô dư y", hoặc có thân cho chẳng phải khổ nường (vô lậu ngũ uẩn) đang còn mà nói là Phật có "Hữu dư y". Thế nên đức Thế Tôn có thể nói có đủ cả bốn thứ Niết-bàn.

Hỏi: Nếu hàng Thanh-văn có "Vô dư y" thì tại sao có chỗ nói Thanh-văn không có? Lại có chỗ nói hàng Nhị thừa hoàn toàn không có Niết-bàn, vậy há "Hữu dư y" Nhị thừa cũng không có sao?

Đáp: Nhưng vì trong lúc quán trí và báo thân hàng Thanh-văn đang tồn tại, do có sở tri chướng, nên thân cho khổ nường chưa hết, tính viên tịch còn mờ ẩn, nên nói là không Niết-bàn, chứ không phải Thanh-văn thật không có Hữu dư y Niết-bàn, do dứt sạch phiền não chướng hiển lộ chơn lý. lại nhân lúc bấy giờ chưa chứng Vô dư y viên tịch, nên cũng nói hàng Thanh-văn không có "Vô dư y", chứ không phải nói Thanh-văn lúc sau, khi đã dứt hết báo thân và quán trí, và chỗ cho khổ nường không còn mà vẫn không có Vô dư y Niết-bàn.

- Hoặc lại nói Nhị thừa không có Niết-bàn, đó là nói không có Niết-bàn vô trụ xứ, chứ không phải không có ba thứ Niết-bàn đầu.

Lại nói Nhị thừa không có Vô dư y, là chỉ cho Nhị thừa bất định tánh, học vừa chứng đắc hữu dư Niết-bàn, đã quyết định hồi tâm cầu vô thượng giác, do sức định và nguyện cầu mà để thân lại lâu dài thế gian, chứ không như một loại Nhị thừa định tánh, quá ưa viên tịch, được sanh không quán, thân chứng chơn như, dứt sạch vĩnh viễn phiền não chướng chiêu cảm thọ sanh, trước hết hiển lộ Hữu dư Niết-bàn dựa nơi chơn lý. Vì phiền não chiêu cảm thọ sanh nơi họ đã sạch hết, nên Di thực quả đời sau không do đâu sanh trở lại, nên nơi thân cho khổ nường hiện tại tự nhiên chấm dứt, các pháp hữu vi đã không có chỗ nường cũng phải kịp bị xả bỏ một lần với thân cho khổ nường kia, mà hiển lộ Vô dư Niết-bàn dựa nơi chơn lý. Bấy giờ Nhị thừa tuy không có báo thân và trí quán, nhưng do trước đó thân trí của hàng Nhị thừa đã chứng được lý này, nên có thể nói Nhị thừa có Vô dư Niết-bàn.

- Trong địa vị Vô dư y Niết-bàn đó, chỉ có chơn như thanh tịnh, là tướng vắng lặng, tịch diệt an lạc, căn cứ đó mà nói Nhị thừa với Phật không khác, nhưng Nhị thừa không có Bồ-đề và sự nghiệp lợi lạc quần sanh như Phật, nên nói Nhị thừa với Phật có khác.

Hỏi: Sở tri chướng đã không chiêu cảm thọ sanh, tại sao sở tri chướng lại được Niết-bàn vô trú xứ?

Đáp: Vì sở tri chướng che lấp chơn như pháp không, khiến cho không phát sanh ra Đại bi Bát-nhã làm lợi lạc hữu tình cùng tột đời vị lai, cho nên khi dứt sở tri chướng thì lý pháp không hiển lộ. Lý đó tức là Niết-bàn vô trú xứ, không trụ cả hai bên sanh tử và Niết-bàn.

Hỏi: Nếu sở tri chướng cũng chướng Niết-bàn vô trú xứ, tại sao sở tri chướng lại không được Trạch diệt vô vi?

Đáp: Trạch diệt vô vi là lìa sự trói buộc của phiền não mà được; còn sở tri chướng không phải trói buộc sanh tử phân đoạn như phiền não.

Hỏi: Sở tri chướng đã không trói buộc như phiền não, thì khi dứt nó đâu được Niết-bàn vô trú xứ?

Đáp: Không phải các Niết-bàn đều thuộc Trạch diệt vô vi. Nếu các Niết-bàn đều thuộc Trạch diệt vô vi, thì như tánh tịnh Niết-bàn không phải do tuệ trạch diệt mà có được, lại không phải Niết-bàn sao?

- Thế nên phải biết, phiền não trói buộc hữu tình trụ sanh tử phân đoạn, khi dứt nó thì nói là được Trạch diệt vô vi, còn sở tri chướng không chiêu cảm sanh tử phân đoạn, không phải như phiền não trói buộc hữu tình, cho nên khi dứt sở tri chướng không gọi là được trạch diệt vô vi. Nhưng do dứt sở tri chướng, mà lý pháp không hiển lộ và tướng của lý đó vắng lặng, nên nói là Niết-bàn, không thể bảo Niết-bàn vô trú xứ này cũng lấy Trạch diệt làm tánh.

- Cho nên bốn thứ viên tịch Niết-bàn này đối chiếu với các vô vi, hai thứ Niết-bàn đầu và cuối tức chơn như vô vi; hai thứ Niết-bàn giữa thuộc Trạch diệt vô vi.

Hỏi: Nếu chỉ dứt trói buộc của phiền não mà được Trạch diệt, thời Bất động diệt vô vi, Thọ tướng diệt vô vi, thuộc vô vi nào trong bốn vô vi?

Đáp: Hai thứ vô vi đó không nhiếp vào phi Trạch diệt vô vi, nó chỉ tạm thời lìa trói buộc mà có tính cách tự như là Phi trạch diệt vô vi, do duyên khuyết không sanh được. Nếu thật là Trạch diệt vô vi, thì chỉ có hoàn toàn diệt, còn Phi trạch diệt như hai vô vi thì không phải vĩnh viễn diệt.

- Hoặc lại có thể nói Niết-bàn vô trú xứ, cũng là nhiếp vào Trạch diệt vô vi, vì do năng lực của trí pháp không chơn thật lựa chọn diệt được sở tri chướng mà hiển bày.

Trạch diệt có hai:

1. Dứt trói buộc mà được, tức là dứt phiền não chiêu cảm thọ sanh mà được.

2. Dứt chướng mà được, tức là dứt sở tri chướng mà chứng đắc.

Cho nên bốn thứ viên tịch (Niết-bàn) đối trong các vô vi, Niết-bàn tánh tịnh đầu tức chơn như vô vi, ba thứ Niết-bàn sau đều là Trạch diệt vô vi. Nếu là Bất động diệt, Thọ tướng diệt vô vi thì chỉ tạm phục diệt phiền não, tức vào Phi trạch diệt, và phải hoàn toàn diệt, mới nhiếp vào Trạch diệt vô vi.

Hỏi: Đã nói sở tri chướng cũng chướng Niết-bàn vô trú xứ, tại sao nay chỉ nói chướng Bồ-đề?

Đáp: Như nói phiền não chướng chỉ chướng Niết-bàn, nhưng đâu phải nó không chướng Bồ-đề. Nên biết Thánh giáo thường dựa nơi công dụng đặc biệt mà nói dứt mỗi thứ chướng mỗi quả, chứ đúng lý thì dứt phiền não hay sở tri chướng đều chướng cả hai quả Bồ-đề và Niết-bàn.

Trong bốn thứ Niết-bàn như vậy, chỉ có ba thứ sau là chứng được do hiển bày (sở hiển đắc).

B. SỞ SANH ĐẮC (đắc do phát sanh) Tức là đại Bồ-đề. Bồ-đề tuy xưa nay vốn có chủng tử năng sanh, nhưng vì bị sở tri chướng ngăn ngại không sanh được, nay do sức Thánh đạo, khiến chủng tử ấy sanh khởi, gọi là được Bồ-đề. Các chủng tử ấy khởi lên rồi tương tục mãi tột cùng đời vị lai. Đó là Tâm phẩm tương ứng với bốn trí.

Thế nào là tâm phẩm tương ứng với bốn trí?

1. Tâm phẩm tương ứng với trí Đại viên cảnh: Nghĩa là tâm phẩm này lìa các phân biệt, hành tướng và sở duyên của nó vi tế khó biết. Nó không đối, không ngu đối với mọi tướng cảnh, tánh tướng thanh tịnh, lìa các tạp nhiễm, làm chỗ nương cho hiện hành, và chỗ duy trì cho chủng tử của các công đức thuần tịnh viên mãn, có thể hiện sanh ảnh tượng ba thân tự thọ dụng, bốn độ và ba trí tiếp sau là Bình đẳng, Diệu quán sát và Thành sở tác, không xen không dứt, cùng tột đời vị lai, như tấm gương tròn lớn, hiện rõ muôn sắc tượng.

2. Tâm phẩm tương ứng với trí Bình đẳng tánh: Nghĩa là tâm phẩm này quán tất cả pháp hữu tình tự tha thấy đều bình đẳng, có tánh đại từ bi thường tương ứng, tùy đại căn cơ của hữu tình ở mười địa ưa thích mà thị hiện thân và độ tha thọ dụng với ảnh tượng sai khác. Trí này là chỗ nương riêng của trí Diệu quán sát, và là chỗ dựng lập Niết-bàn vô trú xứ, nhất vị tương tục, cùng tột đời vị lai.

3. Tâm phẩm tương ứng trí Diệu quán sát: Nghĩa là tâm phẩm này vô ngại phát sanh, khéo quán sát tự tướng và cộng tướng các pháp, thu dấu vô lượng môn tổng trì quán sát và phát sanh trân bảo công đức, tự tại hiện ra vô biên tác dụng sai khác giữa hội đại chúng, mưa trận mưa

đại pháp, dứt sạch nghi lầm, khiến các hữu tình đều được lợi lạc.

4. Tâm phẩm tương ứng với trí Thành sở tác: Nghĩa là tâm phẩm này vì muốn lợi lạc cho các hữu tình, nên thị hiện khắp mười phương các thứ ba nghiệp biến hóa, thành tựu các việc đáng nên làm của sức bản nguyện.

Như vậy tâm phẩm tương ứng bốn trí, tuy mỗi tâm phẩm nhất định có hai mươi hai tâm (khi đã chuyển y, mỗi Tâm vương tương ứng với hai mươi một Tâm sở là năm Biến hành, năm Biệt cảnh, mười một Thiện, công một Tâm vương thành 22), đủ cả chủng tử hiện hành câu sanh, năng biến (tự chứng, chứng tự chứng), sở biến (kiến tướng), nhưng trong đó công dụng của trí mạnh hơn, cho nên lấy trí để hiển bày chứ không lấy tâm khác. Vì thế bốn trí phẩm này tổng nhiếp hết tất cả công đức hữu vi của Phật địa (xưng tánh khởi tu đức).

Bốn trí phẩm này chính do chuyển các thức hữu lậu thứ tám, bảy, sáu, năm và các tâm phẩm tương ứng với nó theo thứ tự mà thành được.

Trí không phải thức, nhưng nương thức chuyển, thức là chủ, cho nên nói chuyển thức thành trí. Lại trong địa vị hữu lậu, trí yếu thức mạnh, trong địa vị vô lậu, trí mạnh thức yếu. Vì để khuyến khích loài hữu tình nương trí bỏ thức, cho nên nói chuyển tám thức được bốn trí này.

- Tâm phẩm tương ứng Đại viên cảnh trí: Có người cho rằng Bồ-tát khi Kim cang dụ định hiện tại tiền (ở Đẳng giác), thì trí Đại viên cảnh này bắt đầu hiện khởi, cùng lúc đó xả bỏ các chủng tử sở tri chướng vi tế trong thức Dị thực. Nếu bấy giờ trí Đại viên cảnh chưa hiện khởi thì không có bản thức để duy trì chủng tử thanh tịnh.

Có người cho rằng trí phẩm này phải đợi khi giải thoát đạo, bắt đầu thành Phật nó mới bắt đầu khởi lên, vì chủng tử trong thức Dị thực kia, khi Kim cang dụ định hiện tại tiền, còn chưa kịp bỏ, vì chủng tử đó không trái với vô gián đạo (cho nên vô gián đạo không diệt được nó). Vô gián đạo chỉ trái với chủng tử hai chướng, chứ không phải trái với chủng tử thiện hữu lậu và chủng tử vô lậu yếu kém. Hai thứ chủng tử này nhất định trái với Phật quả. Lại nếu ở Kim cang dụ định không có thức Dị thực chịu huân, thiện vô lậu không còn tăng nữa, (vì đã tròn đủ rồi) thì lẽ ra khi đó là đã thành Phật.

Do lẽ đó, trí Đại viên cảnh này, từ khi mới thành Phật cho đến tột cùng đời vị lai, tương tục không dứt, duy trì chủng tử vô lậu, không để mất.

- Tâm phẩm tương ứng trí Bình đẳng tánh; Bồ-tát khi ở địa vị kiến đạo bắt đầu hiện tiền, vì nó trái với hai chướng ngại pháp phân biệt, cho nên trí Bình đẳng tánh này mới được bắt đầu khởi sau trong mười địa. Vì còn chưa dứt hai chướng ngại pháp cấu sanh, cho nên ở địa vị hữu lậu này còn gián đoạn, không hiện tiền, thẳng đến pháp vô địa hậu tâm, nó cùng với thức thanh tịnh thứ tám nương nhau tương tục cho đến tột cùng đời vị lai.

- Tâm phẩm tương ứng trí Diệt quán sát: Phân biệt có hai:

1. Bậc sanh không quán - Nhị thừa ở kiến đạo vị, trí quán sanh không này bắt đầu được khởi lên, từ đó triển chuyển đến vô học vị mới được trọn vẹn, rốt ráo; hoặc đến cuối cùng địa vị giải hạnh của Bồ-tát, trí này mới khởi; hoặc đến địa thứ bảy, nếu khi không phải tâm hữu lậu hoặc khi nhập Diệt tận định vô tâm, thì trí này đều khởi được.

2. Bậc pháp không quán - Bồ-tát khi ở địa vị kiến đạo thì trí quán pháp không này mới được khởi, từ đó về sau triển chuyển cho đến khi lên mười địa. Nếu khi không phải tâm hữu lậu và khi không chỉ có sanh không trí quả, hoặc là khi không phải nhập Diệt tận định vô tâm, trí này đều khởi lên được.

- Tâm phẩm tương ứng trí Thành sở tác: Có người cho rằng Bồ-tát ở trong địa vị tu đạo, nhờ trí hậu đắc tương ứng thức thứ sáu dắt dẫn, mà trí Thành sở tác này được bắt đầu khởi.

Có người cho rằng khi thành Phật, trí này mới được khởi, vì khi ở trong mười địa, nhãn, nhĩ v.v... nương thức Dị thực biến hiện, không phải là vô lậu. Giả sử cho rằng do năm căn bất cộng y hữu lậu, đồng duyên một cảnh phát ra năm thức vô lậu, theo lý không thể tương ứng, vì thức vô lậu thủ cảnh thì sáng, mà căn hữu lậu thủ cảnh thì tối, khác nhau. Do đó, trí phẩm này phải đến khi thành Phật, nương nơi năm căn (nhãn, nhĩ, căn v.v...) vô lậu, mới phát khởi được, nhưng thường gián đoạn, phải chờ có tác ý (dụng ý) mới khởi lên.

Bốn thứ trí này tánh tuy vốn có nhưng phải huân tập mới phát hiện. Trong nhân vị thì tăng dần dần, đến Phật quả mới viên mãn, không còn tăng giảm, tột cùng đời vị lai, vì bấy giờ chỉ chủng tử phát sanh, chứ không huân tập thành chủng tử nữa, vì không thể có việc đức tánh của Phật trước viên mãn hơn Phật sau.

- Về tâm phẩm tương ứng trí Đại viên cảnh, có người cho rằng nó chỉ duyên chơn như làm cảnh, đây là trí không phân biệt, chẳng phải trí hậu đắc, nên hành tướng và sở duyên của nó không thể biết được.

Có người cho rằng trí này duyên tất cả pháp. Luận Trang Nghiêm

nói: “Trí Đại viên cảnh, đối với hết thấy cảnh không ngu, không mê”. Kinh Phật Địa nói: “Trong trí Đại viên cảnh của Như Lai hiện đủ các ảnh tượng căn, trần, thức”. Lại trí này nhất định duyên chủng tử vô lậu và các ảnh tượng thân, độ, nhưng vì hành tướng và sở duyên của nó vi tế, nên nói là không thể biết. Giống như thức A-lại-da, nó cũng duyên tục đế. Nên biết trước duyên chơn như là trí căn bản vô phân biệt, sau duyên các cảnh khác là trí hậu đắc. Hai trí này thể là một mà tùy tác dụng chia ra làm hai, vì rõ được tục đế là do chứng chơn như, cho nên nói là hậu đắc, (được sau). Ba trí tiếp theo cũng như vậy, thể chỉ một mà dụng chia làm hai. Chuẩn theo đây nên hiểu.

- Về tâm phẩm tương ứng trí Bình đẳng tánh, có người cho rằng trí này chỉ duyên tịnh thức thứ tám, giống như thức thứ bảy ô nhiễm duyên Tạng thức.

Có người cho rằng trí này chỉ duyên chơn như làm cảnh, vì nó duyên tánh bình đẳng của tất cả pháp.

Có người cho rằng, nó khắp duyên cả chơn và tục, vì kinh Phật địa nói: “Trí Bình đẳng tánh chứng được mười thứ tánh bình đẳng”, và Luận Trang Nghiêm nói: “Duyên các hữu tình tự tha bình đẳng. Tùy theo chỗ thắng giải của hữu tình mà thị hiện vô biên ảnh tượng Phật”. Do đó, trí phẩm bình đẳng tánh duyên cả chơn và tục, nhiếp về hai trí, đối với lý không trái.

- Tâm phẩm tương ứng trí Diệu quán sát - Tức là duyên tự tướng, cộng tướng của hết thấy các pháp đều không ngăn ngại, và nhiếp về hai trí.

- Về tâm phẩm tương ứng trí Thành sở tác, có người cho rằng nó chỉ duyên năm thứ hiện cảnh, vì Luận Trang Nghiêm nói: “Năm căn của Như Lai, mỗi mỗi đều đối năm cảnh mà sanh khởi”.

Có người cho rằng trí phẩm này cũng khắp duyên các pháp trong ba đời, không trái chánh lý, vì kinh Phật địa nói: “Trí Thành sở tác khởi làm các việc biến hóa nơi ba nghiệp, quyết trạch tâm hành sai khác của hữu tình, lãnh thọ các pháp quá khứ, hiện tại”. Nếu trí này không khắp duyên, thì không thể có được các việc như vậy. Nhưng trí phẩm này, tùy theo ưa thích mà duyên một pháp hoặc duyên hai hay duyên nhiều pháp. Trong luận Trang Nghiêm chỉ nói qua là năm căn của Như Lai duyên nơi năm cảnh, chứ không phải nói “chỉ” duyên năm cảnh, cho nên không trái nhau.

Trí này tùy theo tác ý mà khởi, chỉ duyên cảnh sự tướng, để khởi lên sự nghiệp hóa tha, cho nên nó chỉ nhiếp về trí hậu đắc.

- Bốn tâm phẩm này tuy đều duyên khắp tất cả pháp, nhưng công dụng có khác. Trí viên cảnh thì hiện tướng thân và tịnh độ tự thọ dụng, duy trì chủng tử vô lậu. Trí bình đẳng thì hiện tướng thân và tịnh độ tha thọ dụng. Trí Thành sự thì hiện tướng thân và độ biến hóa. Trí Diệu quán sát thì quán sát công năng và lỗi lầm của tự và tha, mưa trận mưa đại pháp, phá các lưới nghi, lợi lạc hữu tình.

- Bốn trí có các phẩm tính như thế, sai biệt nhiều thứ.

- Bốn tâm phẩm này gọi là “đắc do phát sanh” (sở sanh đắc).

Sở sanh đắc này, chung gọi là Bồ-đề, cùng với sở hiển đắc (đắc do hiển bày) là Niết-bàn trước đó, cả hai gọi chung là sở chuyển đắc (đắc do chuyển đổi).

Tuy nghĩa chữ “chuyển y” gồm có bốn thứ là năng chuyển đạo, sở chuyển y, sở chuyển xả, sở chuyển đắc, nhưng ý bài tụng cốt lấy nghĩa “sở hiển đắc và sở sanh đắc” trong “sở chuyển đắc” này để đặt lời tụng “chứng được chuyển y”.

Tu tập vị này chỉ nói là năng chứng đắc, chứ không nói là đã chứng đắc, vì nó còn thuộc về nhân vị tu tập (chưa phải quả vị Phật).